

- Dùng trước danh từ không đếm được: **much, a large amount of, a great deal of**
- Dùng trước cả danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được: **plenty of, a lot of, lots of**

Ex:

- I don't have **much** time to read books. (Tôi không có nhiều thời gian để đọc sách)
- Having **a great deal of** money is **many** people's dream. (Có rất nhiều tiền là giấc mơ của nhiều người)
- This type of tree needs **a large amount of** water to sustain life. (Loại cây này cần nhiều nước để duy trì sự sống)
- **A lot of** my friends are now studying abroad. (Nhiều người bạn của tôi hiện tại đang học ở nước ngoài)

Bài tập

1) Nhiều người chỉ tập trung vào kiếm tiền và không dành nhiều thời gian với con cái.

- focus (on) = concentrate (on) (i) tập trung vào
- make money = earn money: kiếm tiền

2) Nhiều gia đình không có đủ tiền để trang trải chi phí sinh hoạt.

- cover (t) trang trải
- cost of living (s) chi phí sinh hoạt

3) Đa số mọi người phải vượt qua rất nhiều những khó khăn trong cuộc sống.

- difficulty (c/u) khó khăn
- overcome (t) vượt qua

4) Trước kỳ thi cuối kỳ, sinh viên phải ôn tập lại một lượng lớn kiến thức.

- final exam (c) kỳ thi cuối kỳ

- revise = review (t) ôn tập lại

5) Cuộc thi này đòi hỏi những người tham gia phải có rất nhiều kinh nghiệm.

- competition (c) contest: cuộc thi

- participant (c) người tham gia

- require (sb to do sth) (t) yêu cầu, đòi hỏi

- experience (u) kinh nghiệm

4. All of, some of, most of, none of

Chúng ta sử dụng all (tất cả), some (một vài), most (đa số), no (không) với danh từ bình thường. Tuy nhiên khi đứng trước danh từ có các từ hạn định (**a, an, the, my, his, her, our, their, this, these, that, those....**) chúng ta cần dùng thêm giới từ "of"

Ex:

- **Some of** these people are very friendly. (Một vài trong những người này rất thân thiện)

- **All (of)** their decisions were wrong. (Tất cả những quyết định của họ là sai lầm)

- **Most of** the books in that library are about war. (Phần lớn sách trong thư viện đó là về chiến tranh)

- **None of** these books are mine. (Không có quyển sách nào trong những quyển sách này là của tôi)

Lưu ý riêng đối với "all" chúng ta có thể dùng hoặc không dùng "of".

1) Đa số những bài văn này đều có những lỗi về ngữ pháp.

- essay (c) bài văn

- grammatical (adj) ngữ pháp

- mistake (c) lỗi